

**CÔNG TY CP GẠCH NGÓI
KIENGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/KBT

V/v: "BCTC soát xét 6 tháng đầu
năm 2014 đã được kiểm toán soát
xét"

Kiên giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**
2. Mã chứng khoán: **KBT (Đã hủy niêm yết tự nguyện vào tháng 11/2013)**
3. Địa chỉ trụ sở chính: *Tổ 4-Khu phố Xà Ngách-Thị trấn Kiên lương-Huyện Kiên lương-Tỉnh Kiên giang.*
4. Điện thoại: 0773 75 17 17 – Di động : 0903 866 286 Fax: 0773 750 511
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Quang Tuấn**
6. Nội dung của thông tin công bố:
6.1 Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 đã được kiểm toán soát xét của Công Ty CP Gạch ngói Kiên giang lập ngày 11 tháng 08 năm 2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tuynelkiengiang.com.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lâm Duy Khánh



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

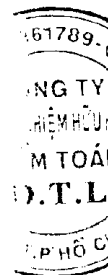
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét BCTC	03
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2014	04 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ XI nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở hoạt động và nhà máy của Công ty được đặt tại Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

Ông Lư Văn Còn	Chủ tịch
----------------	----------

Ông Lâm Duy Khánh	Thành viên
-------------------	------------

Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
-------------------	------------

Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên
-------------------	------------

Ông Nguyễn Hữu Trường	Thành viên
-----------------------	------------

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

Ông Nguyễn Tùng Dương	Trưởng ban
-----------------------	------------

Ông Nguyễn Chí Nghĩa	Thành viên
----------------------	------------

Bà Lưu Ánh Liên	Thành viên
-----------------	------------

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

Ông Lâm Duy Khánh	Giám đốc
-------------------	----------

Ông Phạm Văn Hải	Phó Giám đốc
------------------	--------------

Ông Mạc Thanh Dũng	Phó Giám đốc
--------------------	--------------

3. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. Công bố báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc



LÂM ĐUY KHÁNH

3236
CÔ
CH
KI
D
T



Số: 15.135/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 10 trong Bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm về công nợ tiềm tàng liên quan đến ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0425-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1505-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.460.056.873	17.061.462.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	767.408.730	935.827.737
1. Tiền	111		767.408.730	935.827.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	6.750.470.748	8.742.340.199
1. Phải thu khách hàng	131		6.581.325.862	7.250.865.729
2. Trả trước cho người bán	132		556.206.434	1.729.984.020
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		103.389.952	247.720.565
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(490.451.500)	(486.230.115)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	8.291.717.906	6.460.491.944
1. Hàng tồn kho	141		8.291.717.906	6.460.491.944
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.650.459.489	922.802.593
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.312.029.009	593.319.480
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.174.147	75.081.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.037.832	46.578.939
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		275.218.501	207.822.501

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.137.551.882	65.139.307.067
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.342.708.469	60.301.242.607
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	52.610.102.488	53.161.987.641
+ Nguyên giá	222		68.603.009.519	67.296.245.855
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.992.907.031)	(14.134.258.214)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	4.984.740.635	4.833.910.491
+ Nguyên giá	228		6.709.193.964	6.435.557.600
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.724.453.329)	(1.601.647.109)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	747.865.346	2.305.344.475
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.794.843.413	4.838.064.460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.645.846.542	4.838.064.460
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		148.996.871	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		80.597.608.755	82.200.769.540

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		46.834.342.909	49.175.317.277
I. Nợ ngắn hạn	310		26.310.271.580	28.651.245.948
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	17.711.273.790	21.086.213.493
2. Phải trả người bán	312	5.9	4.876.452.835	3.282.860.607
3. Người mua trả tiền trước	313		93.033.063	356.275.896
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	357.840.641	23.253.440
5. Phải trả người lao động	315		504.899.167	1.195.164.537
6. Chi phí phải trả	316		145.939.585	199.130.822
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	2.414.232.313	2.245.079.659
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		206.600.186	263.267.494
II. Nợ dài hạn	330		20.524.071.329	20.524.071.329
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	20.279.098.321	20.279.098.321
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		244.973.008	244.973.008
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.763.265.846	33.025.452.263
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	33.763.265.846	33.025.452.263
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.016.990.000	30.016.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.326.242.386	1.326.242.386
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15.615.380	3.175.380
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.404.418.080	1.679.044.497
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80.597.608.755	82.200.769.540

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ



LÂM DUY KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	29.337.407.928	17.004.754.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.337.407.928	17.004.754.222
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	20.266.115.353	12.288.087.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.071.292.575	4.716.666.652
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		48.986.065	80.754.258
7. Chi phí tài chính	22		2.137.254.907	1.334.353.343
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.137.254.907	1.334.353.343
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	3.541.222.893	1.630.184.118
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	1.735.996.570	1.506.356.626
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.705.804.270	326.526.823
11. Thu nhập khác	31		94.026.954	79.727.272
12. Chi phí khác	32		26.517.319	308.112
13. Lợi nhuận khác	40		67.509.635	79.419.160
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.773.313.905	405.945.983
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	387.600.522	80.758.181
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.385.713.383	325.187.802
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.13.4	462	108

NGƯỜI LẬP BIỂU



ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM VĂN CƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014



GIÁM ĐỐC

LÂM DUY KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.773.313.905	405.945.983
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.981.455.037	1.456.761.842
Các khoản dự phòng	03		4.221.385	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.750.065)	(3.304.258)
Chi phí lãi vay	06		2.137.254.907	1.334.353.343
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.894.495.169	3.193.756.910
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.348.630.346	1.684.950.967
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.831.225.962)	(1.140.982.828)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		424.774.111	827.894.198
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(526.491.611)	743.316.068
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.137.254.907)	(1.339.294.343)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(125.130.233)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		721.357.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.041.977.179)	(76.946.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		3.852.306.967	3.767.564.017
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(325.454.546)	(11.916.584.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.750.065	3.304.258
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(323.704.481)	(11.913.279.903)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	24.018.239.742	21.775.319.802
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(27.393.179.445)	(11.642.029.151)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(322.081.790)	(3.061.284.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.697.021.493)	7.072.005.811
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(168.419.007)	(1.073.710.075)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	935.827.737	1.577.965.538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	767.408.730	504.255.463

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****GIÁM ĐỐC****ĐẶNG THỊ KIM UYÊN****PHẠM VĂN CƠ****LÂM DUY KHÁNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký và niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 495/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty hủy niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 574/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 141 (31/12/2013: 140).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 25 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 09 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại khu phố Xà Ngách, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang thời hạn khấu hao là 30 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 8 năm.

4.6 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì

doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.
- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.
- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	84.814.619	11.881.011
Tiền gửi ngân hàng	682.594.111	923.946.726
Tổng cộng	767.408.730	935.827.737

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	6.581.325.862	7.250.865.729
Trả trước cho người bán	556.206.434	1.729.984.020
Các khoản phải thu khác	103.389.952	247.720.565
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	7.240.922.248	9.228.570.314
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(490.451.500)	(486.230.115)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	6.750.470.748	8.742.340.199

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu các bên có liên quan là 1.597.437.073 VND – Xem thêm mục 8.

Toàn bộ giá trị các khoản phải thu được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.8.

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.051.243.328	3.986.153.289
Công cụ, dụng cụ	22.615.400	48.134.402
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	943.417.182	878.343.794
Thành phẩm	274.441.996	1.547.860.459
Cộng giá gốc hàng tồn kho	8.291.717.906	6.460.491.944
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	8.291.717.906	6.460.491.944

Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – xem thêm mục 5.8.

(Phần tiếp theo trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	35.641.513	27.418.705	4.136.477	99.551	67.296.246
Mua trong kỳ	51.818	-	-	-	51.818
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.198.779	56.167	-	-	1.254.946
Số dư cuối năm	36.892.110	27.474.872	4.136.477	99.551	68.603.010
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.950.150	4.733.584	2.350.973	99.551	14.134.258
Khấu hao trong kỳ	756.342	878.462	223.845	-	1.858.649
Số dư cuối kỳ	7.706.492	5.612.046	2.574.818	99.551	15.992.907
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	28.691.363	22.685.121	1.785.504	-	53.161.988
Tại ngày cuối kỳ	29.185.618	21.862.826	1.561.659	-	52.610.103

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 5.8 và 5.12.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 692.423.592 đồng.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.213.375.782	154.000.000	68.181.818	6.435.557.600
Mua trong kỳ	273.636.364	-	-	273.636.364
Số dư cuối kỳ	6.487.012.146	154.000.000	68.181.818	6.709.193.964
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.543.313.622	28.977.418	29.356.069	1.601.647.109
Khấu hao trong kỳ	107.507.279	9.617.124	5.681.817	122.806.220
Số dư cuối kỳ	1.650.820.901	38.594.542	35.037.886	1.724.453.329
Tại ngày đầu năm	4.670.062.160	125.022.582	38.825.749	4.833.910.491
Tại ngày cuối kỳ	4.836.191.245	115.405.458	33.143.932	4.984.740.635

Trong quyền sử dụng đất chủ yếu là lợi thế khai thác mỏ sét và các chi phí đền bù, giải toả đất. Toàn bộ quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp các khoản vay tại ngân hàng – Xem thêm mục 5.8 và 5.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Xây dựng dây chuyền 2	380.926.792	1.579.593.397
Nâng cấp đường vào công ty	300.000.000	300.000.000
Xây dựng cơ bản khác	66.938.554	425.751.078
Tổng cộng	747.865.346	2.305.344.475

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.644.726.334	3.176.132.590
Sửa chữa nhà xưởng	1.077.117.049	1.112.130.521
Chi phí trả trước dài hạn khác	924.003.159	549.801.349
Tổng cộng	4.645.846.542	4.838.064.460

5.8. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	17.536.273.790	16.246.213.493
Vay dài hạn đến hạn trả	175.000.000	4.840.000.000
Tổng cộng	17.711.273.790	21.086.213.493

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng bằng tiền VND với lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ trong khoản từ 8,5%/năm đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho phương án sản xuất gạch. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định, hàng hóa, nguyên liệu tồn kho, nợ phải thu, quyền sử dụng đất. Xem thêm mục 5.2 ; 5.3 ; 5.4 và 5.5.

5.9. Phải trả người bán

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.687.675.936	1.741.698.859
Phải trả bên thứ ba khác	3.188.776.899	1.541.161.748
Tổng cộng	4.876.452.835	3.282.860.607

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	357.840.641	-
Thuế tài nguyên	-	22.023.440
Các khoản phí, lệ phí	-	1.230.000
Tổng cộng	357.840.641	23.253.440

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	6.537.832	16.819.058
Kinh phí công đoàn	6.609.280	18.324.560
Cổ tức phải trả	2.358.810.511	2.097.661.351
Chi phí quản lý đất bùn	-	70.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.274.690	42.274.690
Tổng cộng	2.414.232.313	2.245.079.659

5.12. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	18.704.098.321	18.704.098.321
Vay đối tượng khác	1.575.000.000	1.575.000.000
Tổng cộng	20.279.098.321	20.279.098.321

Vay dài hạn ngân hàng là khoản vay có thời hạn từ 52 tháng 72 tháng với lãi suất khoản 12%/năm. Mục đích vay để đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynel. Khoản vay này được thế chấp toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty, Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay. – Xem thêm mục 5.4 và 5.5.

Vay đối tượng khác là khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang với thời hạn 60 tháng với lãi suất 12%/năm. Mục đích vay để đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynel, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

5.13. Vốn chủ sở hữu**5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ từ thiện xã hội	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.016.990	1.298.678	4.902.477	8.025	36.226.170
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	551.301	-	551.301
Trích lập quỹ	-	27.565	(117.565)	90.000	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(55.130)	-	(55.130)
Chia cổ tức	-	-	(3.602.039)	-	(3.602.039)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(101.400)	(101.400)
Tăng khác	-	-	-	6.550	6.550
Số dư đầu năm nay	30.016.990	1.326.243	1.679.044	3.175	33.025.452
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.385.713	-	1.385.713
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	(60.000)	60.000	-
Chia cổ tức	-	-	(600.340)	-	(600.340)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(47.560)	(47.560)
Số dư cuối kỳ	30.016.990	1.326.243	2.404.417	15.615	33.763.265

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	12.393.320.000	12.393.320.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.623.670.000	17.623.670.000
Tổng cộng	30.016.990.000	30.016.990.000

5.13.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.001.699	3.001.699
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.001.699	3.001.699
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.001.699	3.001.699
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

(Phần tiếp theo trang 20)

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.385.713.383	325.187.802
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.001.699	3.001.699
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	462	108

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	1.679.044.497	4.902.477.161
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	1.385.713.383	325.187.802
Trích lập quỹ từ thiện xã hội	(60.000.000)	(90.000.000)
Chia cổ tức	(600.339.800)	(3.602.038.800)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	2.404.418.080	1.535.626.163

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu sản phẩm gạch	25.945.550.671	15.471.287.686
Doanh thu dịch vụ vận chuyển gạch	2.707.934.051	1.406.922.899
Doanh thu bán đất bùn	683.923.206	126.543.637
Doanh thu thuần	29.337.407.928	17.004.754.222

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn sản phẩm gạch	17.302.134.471	10.932.413.713
Giá vốn dịch vụ vận chuyển gạch	2.716.244.213	1.328.414.507
Giá vốn đất bùn	247.736.669	27.259.350
Tổng cộng	20.266.115.353	12.288.087.570

6.3. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	380.225.615	253.048.467
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	1.592.510.449	468.901.699
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.885.788	45.521.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.350.185.691	595.603.484
Chi phí bằng tiền khác	174.415.350	267.108.471
Tổng cộng	3.541.222.893	1.630.184.118

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	809.454.579	490.004.522
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	116.326.990	155.457.247
Chi phí khấu hao TSCĐ	130.751.661	157.367.225
Chi phí dự phòng	4.221.385	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.012.500	59.164.796
Chi phí bằng tiền khác	567.229.455	644.362.836
Tổng cộng	1.735.996.570	1.506.356.626

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.773.313.905	405.945.983
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	253.280.409	318.931.838
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(264.773.757)	(54.572.503)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	(236.214.576)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.761.820.557	434.090.742
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	5%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	387.600.522	21.704.537
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác	-	59.053.644
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	387.600.522	80.758.181

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.443.672.856	6.257.686.950
Chi phí nhân công	3.244.139.590	2.219.664.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.751.275.303	1.161.807.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.052.722.813	782.913.420
Chi phí khác bằng tiền	601.978.834	484.006.358
Tổng cộng	16.093.789.396	10.906.078.877

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ sản xuất một loại sản phẩm là gạch Tuynel nên Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Kiên Giang, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty con cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.597.437.073	2.353.485.827
Phải trả - Xem thêm mục 5.9	(1.687.675.936)	(1.741.698.859)
Tổng cộng	(90.238.863)	611.786.968

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	1.735.811.351	2.548.851.491
Nhận dịch vụ	-	2.432.225.345

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	96.000.000	93.000.000
Lương Giám đốc	197.610.000	141.932.100
Lương các Phó giám đốc	307.845.400	170.892.900
Tổng cộng	601.455.400	405.825.000

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh 4.11.

(Phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	767.408.730	935.827.737
Phải thu khách hàng	6.090.874.362	6.764.635.614
Tài sản tài chính khác	148.996.871	-
Tổng cộng	7.007.279.963	7.700.463.351
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	37.990.372.111	41.365.311.814
Phải trả người bán	4.876.452.835	3.282.860.607
Chi phí phải trả	145.939.585	199.130.822
Tổng cộng	43.012.764.531	44.847.303.243

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

VND

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	4.876.452.835	-	4.876.452.835
Chi phí phải trả	145.939.585	-	145.939.585
Các khoản vay	17.711.273.790	20.279.098.321	37.990.372.111

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	3.282.860.607	-	3.282.860.607
Chi phí phải trả	199.130.822	-	199.130.822
Các khoản vay	21.086.213.493	20.279.098.321	41.365.311.814

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	6.090.874.362	-	6.090.874.362

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	6.764.635.614	-	6.764.635.614

10. Công nợ tiềm tàng

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 56111000470 ngày 12/2/2009 của UBND tỉnh Kiên Giang, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án có thu nhập; miễn 04 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi dự án có thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, theo Công văn số 401/TCT-CS ngày 29/01/2013 của Tổng cục thuế thì Công ty không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư. UBND tỉnh Kiên Giang cho rằng việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế TNDN theo Công văn số 401/TCT-CS ngày 29/01/2013 nêu trên là không thoả đáng nên đã có Công văn số 957/UBND-KTTH ngày 19/9/2013 gửi Thủ tướng chính phủ đề nghị xem xét cho Công ty được tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014 không lập dự phòng điều chỉnh khoản công nợ tiềm tàng này vì Ban giám đốc Công ty cho rằng không có khả năng phát sinh khoản công nợ tiềm tàng này.

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố Xà Ngách, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào 11 tháng 08 năm 2014.

Kiên Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN CƠ

GIÁM ĐỐC



LÂM DUY KHÁNH